

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST

Ngày: 15 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Thương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Bà Phan Thị Khánh Phượng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2023/TLST-KDTM ngày 25/5/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số A đường T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K – Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ. Theo văn bản ủy quyền số 67/2022/UQ-SeABank ngày 14/01/2022.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Công T1, ông Lưu Việt A, ông Vũ Tấn D. Địa chỉ: Số A P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Giấy ủy quyền số 1512/2023/UQ-SeABank ngày 07/02/2023. Ông T1 có mặt

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

Địa chỉ trụ sở: Số C đường H, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đại V, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1977, bà Trần Thị T2, sinh năm 1980. Vắng mặt

- Cháu Nguyễn Trần Phương H, sinh ngày 08/10/2006 và cháu Nguyễn Trần Duy T3, sinh ngày 12/9/2008.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H và cháu T3: Ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị T2. Vắng mặt

Tất cả cùng trú tại: Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày*:

Công ty TNHH X có vay của Ngân hàng TMCP Đ (S) tại các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số REF1708300001/HĐTD-TDH ngày 24/03/2017 với số tiền vay: 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/Thanh toán tiền mua 03 xe ô tô tải tự đồ hiệu Việt Trung; Thời hạn vay: 42 tháng (Từ 24/03/2017 đến ngày 24/09/2020). Lãi suất vay: 9,0%/năm cho 12 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng bằng VNĐ + biên độ lãi suất tối thiểu (3,5%/năm). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

2. Hợp đồng tín dụng số REF1708300002/HĐTD-TDH ngày 24/03/2017 với số tiền vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải tự đồ hiệu Việt Trung. Thời hạn vay: 24 tháng (Từ 24/03/2017 đến ngày 24/03/2019). Lãi suất vay: 9,0%/năm cho 12 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng bằng VNĐ + biên độ lãi suất tối thiểu (3,5%/năm). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

3. Hợp đồng tín dụng số REF1711500053/HĐTD-TDH ngày 25/04/2017 với số tiền vay: 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh/thanh toán tiền mua 04 xe tải tự đồ hiệu TMT. Thời hạn vay: 48 tháng (Từ 26/04/2017 đến ngày 25/04/2021). Lãi suất vay: 9,0%/năm cho 12 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 13 tháng bằng VNĐ + biên độ lãi suất tối thiểu (3,5%/năm). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

4. Hợp đồng tín dụng số REF1520900191/02/HĐTD-HM ngày 14/02/2017, giấy nhận nợ ngày 30/11/2017 với số tiền vay: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 09 tháng (Từ 30/11/2017 đến ngày 30/08/2018). Lãi suất vay: 8,5%/năm cho 06 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 14 tháng bằng VNĐ + biên độ lãi suất tối thiểu (2,5%/năm). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn

5. Hợp đồng tín dụng số REF1520900191/03/HĐTD-HM ngày 10/05/2018 nhận nợ ngày 10/05/2018 với số tiền vay: 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 09 tháng (Từ 10/05/2018 đến ngày 10/02/2019). Lãi suất vay: 9,0%/năm cho 03 tháng đầu tiên, lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn 14 tháng bằng VNĐ + biên độ lãi suất tối thiểu (2,5%/năm). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ 09, diện tích 102,53m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Duy L. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo Hợp đồng thế chấp REF1520900191/HĐTC-QSĐĐ ký ngày 30/07/2015 được Phòng C tỉnh Quảng Ngãi chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Quá trình vay, Công ty đã trả được cho Ngân hàng với số tiền lãi và gốc là 3.134.830.249đồng. Hiện nay tính đến ngày 14/8/2024, Công ty còn nợ Ngân hàng S với tổng số tiền: 3.220.795.854đồng, Trong đó: nợ gốc là 1.277.357.558đồng, tiền lãi trong hạn: 344.578.667đồng, tiền lãi quá hạn là 1.598.859.629đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty X phải trả số tiền nêu trên và tiếp tục trả số tiền nợ lãi cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong. Trường hợp Công ty không trả được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 179, tờ bản đồ 09, diện tích 102,53m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283, số vào sổ cấp GCN: CH 01073 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 mang tên ông Nguyễn Duy L. Theo Hợp đồng thế chấp số REF1520900191/HĐTC-QSĐĐ ký ngày 30/07/2015.

Trong trường hợp số tiền phát mãi, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Công ty tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi xong khoản vay.

*\* Bị đơn Công ty TNHH X, người đại diện theo pháp luật ông Trần Đại V trình bày:*

Ông thừa nhận Công ty TNHH X có vay của Ngân hàng TMCP Đ các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ như ngân hàng khởi kiện là đúng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ 09, diện tích 102,53m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283, số vào sổ cấp GCN: CH 01073 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Duy L. Tài sản này đã được thế chấp tại S theo Hợp đồng thế chấp REF1520900191/HĐTC-QSĐĐ ký ngày 30/07/2015 được Phòng C tỉnh Quảng Ngãi chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Sau khi vay tiền, do công ty làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả nợ, dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Nay Công ty đồng ý trả nợ cho Ngân hàng số tiền nêu trên và đồng tiếp tục trả số tiền nợ lãi cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Công ty không trả được thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 179, tờ bản đồ 09 phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283, số vào sổ cấp GCN: CH 01073 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Duy L. Theo Hợp đồng thế chấp số REF1520900191/HĐTC-QSĐĐ ký ngày 30/07/2015.

Trong trường hợp số tiền phát mãi, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty đồng ý tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi xong khoản vay.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có bản trình bày.*

*- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, cả hai đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường L, thành phố Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty TNHH X – người đại diện theo pháp luật ông Trần Đại V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận Công ty TNHH X có vay tiền của Ngân hàng theo các hợp đồng sau đây:

Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1708300001/HĐTD-TDH ngày 24/03/2017; Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1708300002/HĐTD-TDH ngày 24/03/2017; Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1711500053/HĐTD-TDH ngày 25/04/2017; Hợp đồng hạn mức tín dụng số REF1520900191/02/HĐTD-HM ngày 14/02/2017, nhận nợ ngày 30/11/2017; Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF1520900191/03/HĐTD-HM ngày 10/05/2018, giấy nhận nợ ngày 10/05/2018. Với số tiền vay, số tiền đã trả nợ gốc và lãi như Ngân hàng trình bày là đúng.

[4] Để bảo đảm cho các khoản vay, ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị T2 có thể chấp tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 179, tờ bản đồ 09 phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283, số vào sổ cấp GCN: CH 01073 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Duy L. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp REF1520900191/HĐTC-QSDĐ ký ngày 30/07/2015 được Phòng C tỉnh Quảng Ngãi chứng thực và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

[5] Tuy nhiên, do công ty làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả nợ, dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Trình bày của ông Trần Đại V phù hợp với trình bày và tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Công ty TNHH X trả nợ có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 14/8/2024 là 3.220.795.854đồng, trong đó nợ gốc là 1.277.357.558đồng, lãi trong hạn là 344.578.667đồng, lãi quá hạn là 1.598.859.629đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên

đư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay kể từ ngày 15/8/2024 đến khi trả xong toàn bộ các khoản vay.

[6] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất REF1520900191/HĐTC-QSĐĐ ký ngày 30/07/2015 giữa Ngân hàng và ông L, bà T2 có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, trong trường hợp Công ty TNHH X không trả số tiền nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 179, tờ bản đồ 09 phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283, số vào sổ cấp GCN: CH 01073 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 mang tên ông Nguyễn Duy L để thu nợ cho Ngân hàng. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH X tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi trả nợ xong.

[7] Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH X chịu 2.500.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; Ngân hàng đã tạm ứng và chi xong nên Công ty TNHH X có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 2.500.000đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

[8] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên Công ty TNHH X phải chịu 96.415.900đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 2.000.000.000đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, 317, 318, 320, 322 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Buộc Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 3.220.795.854 đồng (ba tỷ hai trăm hai mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 1.277.357.558 đồng, lãi trong hạn là 344.578.667 đồng, lãi quá hạn là 1.598.859.629 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1708300001/HĐTD-TDH ngày 24/03/2017; Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1708300002/HĐTD-TDH ngày 24/03/2017; Hợp đồng tín dụng từng lần số REF1711500053/HĐTD-TDH ngày 25/04/2017; Hợp đồng hạn mức tín dụng số REF1520900191/02/HĐTD-HM ngày 14/02/2017, nhận nợ ngày 30/11/2017; Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số REF1520900191/03/HĐTD-HM ngày 10/05/2018, giấy nhận nợ ngày 10/05/2018, kể từ ngày 15/8/2024 cho đến khi Công ty TNHH X trả xong khoản vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2. Trong trường hợp Công ty TNHH X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu nợ cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 179, tờ bản đồ 09 phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 191283, số vào sổ cấp GCN: CH 01073 do UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/12/2010 cho ông Nguyễn Duy L. Theo Hợp đồng thế chấp số REF1520900191/HĐTC-QSĐĐ ký ngày 30/7/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Nguyễn Duy L, bà Trần Thị T2.

3. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH X tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc Công ty TNHH X phải chịu 96.415.900 đồng (chín mươi sáu triệu bốn trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 44.250.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004565 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí Thương**